

PHỤ LỤC I:
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DANH SÁCH HỒ TRỢ ĐÓI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5, số 10 NĂM 2025
ĐỊA BÀN THÔN HOA TRUNG (HOA ĐÔNG CŨ)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

DVT: Triệu đồng

T T	Họ và tên chủ hộ	Thiết hại trên 70% diện tích (ha)												Thiết hại từ 30% đến 70% diện tích (ha)												Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)
		Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác								Diện tích lúa sau gieo trên 45 ngày (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Cây hàng năm khác										
					Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)				Thành tiền	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền							
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10.00	11	12=10*1 1	13	14	15=13*1 4	16	17	18=16*1 7	19	20	21=19*2 0	22	23	24=22*2 3	25=3+6+9+12 +15+18+21+2 4
1	Nguyễn Văn Sơn	0.150	10	1.50		6	0		10	-	0.20	15	3.00		5	0		3	0		5	0		7.5	0	4.50
2	Đặng Quốc Văn		10	-		6	0		10	-	0.05	15	0.75		5	0		3	0		5	0		7.5	0	0.75
3	Lê Thị Hường	0.075	10	0.75		6	0	0.05	10	0.50		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	1.25
4	Thiều Văn Huệ		10	-		6	0	0.20	10	2.00		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	2.00
5	Đặng Xuân Thiên		10	-		6	0		10		0.25	15	3.75		5	0		3	0		5	0		7.5	0	3.75
6	Nguyễn Thị Mỹ		10	-		6	0	0.05	10	0.50		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	0.50
7	Thiều Thị Sáu	0.128	10	1.28		6	0	0.10	10	1.00		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	2.28
8	Lê Văn Hới		10	-		6	0		10		0.15	15	2.25		5	0		3	0		5	0		7.5	0	2.25
9	Nguyễn Tiến Lành	0.180	10	1.80		6	0		10		0.28	15	4.20		5	0		3	0		5	0		7.5	0	6.00
10	Lê Quang Anh	0.151	10	1.51		6	0		10		0.53	15	7.95		5	0		3	0		5	0		7.5	0	9.46
11	Nguyễn Thị Hồng Chinh	0.035	10	0.35		6	0	0.08	10	0.80	0.24	15	3.60		5	0		3	0		5	0		7.5	0	4.75
12	Đào Quốc Hoan	0.128	10	1.28		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	1.28
13	Trần Văn Trinh	0.092	10	0.92		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	0.92
14	Lê Như Hường	0.219	10	2.19		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	2.19
15	Thiều Thị Minh	0.10	10	1.00		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	1.00
16	Phạm Thị Nhung	0.025	10	0.25		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	0.25
17	Phạm Thị Bình	0.03	10	0.30		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	0.30
18	Phan Thị Văn	0.066	10	0.66		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	0.66
19	Nguyễn Minh Tuấn	0.125	10	1.25		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	1.25
20	Nguyễn Văn Lý	0.15	10	1.50		6	0		10	-		15	-		5	0		3	0		5	0		7.5	0	1.50
	Tổng cộng:	1.65		16.53	0.00		0.00	0.48		4.80	1.70		25.50	0.00		0.00	0.00		0.00	0.00		0.00	0.00		0.00	46.83

PHỤ LỤC II:
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DANH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI
DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÔN HOA TRUNG (HOA ĐÔNG CŨ)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /8/2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Họ và tên chủ hộ	Thiệt hại trên 70%						Thiệt hại từ 30% đến 70%						Tổng kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)
		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	13=3+6+9+12
1	Phạm Thị Thanh		8	0		15	0	1.85	4	7.40		7.5	0	7.40
2	Thiều Quang Dũng		8	0		15	0	1.30	4	5.20		7.5	0	5.20
3	Nguyễn Thị Châu	1.10	8	8.8		15	0		4	0		7.5	0	8.80
4	Hoàng Văn Kiệt		8	0	1.50	15	22.50		4	0		7.5	0	22.50
5	Đào Hải Nam		8	0		15	0		4	0	1.41	7.5	10.58	10.58
6	Đào Quốc Hoan		8	0		15	0	0.69	4	2.74		7.5	0	2.74
7	Lê Như Hường		8	0	1.50	15	22.50		4	0		7.5	0	22.50
8	Lê Quốc Việt		8	0	2.00	15	30		4	0		7.5	0	30.00
9	Nguyễn Tiến Nam	0.66	8	5.28		15	0		4	0		7.5	0	5.28
10	Thiều Thị Sáu	0.64	8	5.12		15	0		4	0		7.5	0	5.12
11	Nguyễn Thị Lệ Thủy		8	0	0.66	15	9.83		4	0		7.5	0	9.83
12	Đặng Việt Hùng		8	0	4.58	15	68.70		4	0		7.5	0	68.70
13	Thiều Tuấn Anh		8	0	2.00	15	30					7.5	0	30.00
	Tổng	2.4		19.20	12.24		183.53	3.84		15.34	1.41		10.575	228.644

PHỤ LỤC III:
NIÊM YẾT CÔNG KHAI DANH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI
DO BÃO SỐ 5, SỐ 10 NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN THÔN HOA TRUNG (HOA ĐÔNG CŨ)

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /8/2026 của UBND xã Kỳ Hoa)

TT	Họ và tên chủ hộ	Diện tích nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao đất (ha)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè (m3)	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/100m3)	Thành tiền	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	Định mức hỗ trợ (triệu đồng/ha)	Thành tiền	Tổng kinh phí hỗ trợ (Triệu đồng)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=1*2</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6=4*5</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=7*8</i>	<i>10=3+6+9</i>
1	Lê Như Hường	0.1	60	6		30			15		6
	Tổng	0.1		6		30			15		6